

THÔNG BÁO
Kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

1.1. Lô số 01:

- Tài sản gồm: 1.538 chiếc áo dài tay, 350 bộ quần áo, 230 chiếc quần bò, 72 chiếc váy bò không rõ nguồn gốc xuất xứ, chưa qua sử dụng, không rõ chất lượng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 1).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000054/QĐ-XPHC ngày 26/12/2023 của Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường (QLTT).

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 557/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước là: 9.596.000 đồng (Chín triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn).

1.2. Lô số 02:

- Tài sản gồm có: 34 chiếc màn hình sử dụng trên ô tô các loại, 95 chiếc camera hành trình ô tô không rõ nguồn gốc xuất xứ, chưa qua sử dụng, không rõ chất lượng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 2).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000081/QĐ-XPVPHC ngày 06/8/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 563/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 26.900.000 đồng (Hai mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng chẵn).

1.3. Lô số 03:

- Tài sản gồm: 20 chiếc xe điện các loại 3 bánh và 05 chiếc xe điện các loại 4 bánh; không có pin lithium, không có hóa đơn, chứng từ; không rõ nguồn gốc, xuất xứ; chưa qua sử dụng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 3).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000110/QĐ-XPVPHC ngày 11/11/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 561/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

1.4. Lô số 04:

- Tài sản gồm có: Tài sản gồm: 7.000 kg (226 cuộn) vải thun dệt kim, có kích thước khổ 1,6m, gồm: 161 cuộn vải thun đen dệt kim (Interlock Double), khối lượng là 5.005,35 kg; 51 cuộn vải thun xanh dương dệt kim (Single Jersey) khối lượng là 1.622,1 kg; 14 cuộn vải thun xanh dương dệt kim (Single Jersey) khối lượng là 372,55 kg không nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ; chưa qua sử dụng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 4).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000111/QĐ-XPVPHC ngày 15/11/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 562/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn).

1.5. Lô số 05:

- Tài sản gồm có: 2.320 đơn vị sản phẩm phụ tùng xe máy các loại, không nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chưa qua sử dụng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 5).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000112/QĐ-XPVPHC ngày 27/11/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 560/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 161.610.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm mười nghìn đồng chẵn).

1.6. Lô số 06:

- Tài sản gồm có: 2.942 đơn vị sản phẩm phụ tùng ô tô các loại, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chưa qua sử dụng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 6).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000113/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 558/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 214.910.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu chín trăm mười nghìn đồng chẵn).

1.7. Lô số 07:

- Tài sản gồm có: 5.010 kg vải dệt thoi có lỗi bên trong, màu hoa văn, không có nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc xuất xứ, chưa qua sử dụng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 7).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000117/QĐ-XPVPHC ngày 13/12/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 564/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 90.180.000 đồng (Chín mươi triệu một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

1.8. Lô số 08:

- Tài sản gồm có: 16 chiếc xe đạp điện các loại, không có hóa đơn, chứng từ; không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chưa qua sử dụng, không có tem hợp quy, không có bình ắc quy (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 8).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000119/QĐ-XPVPHC ngày 26/12/2024 của Cục Nghiệp vụ QLTT.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 559/QĐ-TTTN ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 24.700.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).

2. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:

- Công ty Đấu giá hợp danh VNA, địa chỉ: số 50LK3, Khu đô thị Đại Thanh, xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội.

- Tổng số điểm: 96.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM

TT	NỘI DUNG	Công ty đấu giá Hợp danh số 5- QG	Công ty đấu giá Hợp danh VNA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	16	17
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	7	8
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	3	4
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	4	4
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5	5

2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2	2
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3	3
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1	1
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16	16
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4	4
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2	2
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2	2
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4	4
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4	4
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2	2
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2	2
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4	4
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	55	55
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15	15
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá		
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá		

1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá		
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15	15
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7	7
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)		
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành		
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành		
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7	7
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7	7
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)		
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc		
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc		
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7	7
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3	3
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3	3
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: $Số\ điểm\ của\ C = (V \times 3) / Y$		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy	5	5

	đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày <u>Luật đấu giá tài sản</u> có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm		
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5	5
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm		
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên		
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4	4
6.1	01 đấu giá viên		
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên		
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4	4
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4	4
7.1	Dưới 05 năm		
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm		
7.3	Từ 10 năm trở lên	4	4
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5	5
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên		
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên		
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5	5
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài	5	5

	<i>sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
9.1	Dưới 50 triệu đồng		
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng		
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5	5
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	5	8
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản - Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)	2	2
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3	3
3.	Tổ chức hành nghề đấu giá có văn bản thông báo công bố đạt cấp độ 3 theo quy định pháp luật về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Hệ thống đấu giá trực tiếp đã kết nối với VneID	0	3
Tổng số điểm		92	96

Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thông báo./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng;
- Công Đấu giá tài sản quốc gia;
- Website Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;
- Văn phòng Cục;
- Lưu: VT, NV (haptv).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Bình